

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HS- PT

Ngày: 17 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thanh Hải

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2025/TLPT-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Phú Thọ).

Bị cáo có kháng cáo:

1. NGUYỄN DUY T, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1961 tại L, Hòa Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã A, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Mai Thị V (đều đã chết); vợ là: Lữ Thị Thanh H và có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Duy T là đảng viên Đ2, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 169-QĐ/UBNDTHU ngày 11/01/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L1.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/01/2024 đến ngày 05/02/2024, được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

2. **HUỖNH HỮU PHÚC**, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1969 tại L, Hòa Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã A, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Con ông Huỳnh Hữu H1 (đã chết) và bà Đinh Thị B; vợ là: Nguyễn Thị B1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy T:

+ Ông Nguyễn Văn Á – Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A ngõ H, H, phường Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Ông Giang Hồng T1, ông Đỗ Văn T2 – Luật sư Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: A Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hà Trung K, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã A, tỉnh Phú Thọ (xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình cũ). Có mặt

+ Công ty TNHH H10, địa chỉ thôn S, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình cũ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T3 – Giám đốc công ty. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T4 – Phó Giám đốc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy T đảm nhiệm chức danh trưởng Thôn 5 (cũ) từ năm 2015, sau là Trưởng thôn B các nhiệm kỳ từ năm 2018 đến nhiệm kỳ 2022- 2025 và chức danh Phó Bí thư Chi bộ thôn.

Năm 2015, do thấy Công ty TNHH H10 (gọi tắt Công ty H10) có trụ sở tại thôn S, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình có thửa đất tiếp giáp khu vực nghĩa trang cũ của thôn (thôn E cũ, nay là thôn B), Nguyễn Duy T đã làm đơn gửi Công ty H10 xin đất mở rộng nghĩa trang cho thôn. Ngày 09/10/2021 Nguyễn Duy T tiếp tục gửi đơn xin đất lần thứ hai.

Công ty H10 được Ủy ban nhân dân L1 (UBND) tỉnh Hòa Bình cho thuê hơn 1.200 ha đất nông nghiệp thuộc địa bàn huyện L để sử dụng đất vào mục

đích sản xuất nông nghiệp và giao khoán cho công nhân tại các quyết định số 2404/UBND ngày 11/10/2013 và quyết định 318/UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh L1. Trên cơ sở nhu cầu sử dụng, ban lãnh đạo Công ty đã rà soát và gửi công văn số 124/CV-Cty Ngày 25/10/2021 về việc trả lại đất về cho địa phương quản lý sử dụng trình UBND huyện L1, trong đó có thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13 (tờ bản đồ nội bộ Công ty H10), diện tích 3518 m² (đo đạc thực tế là 3661,5 m²) tiếp giáp khu nghĩa trang cũ của thôn B, được giao khoán cho hộ gia đình ông Hà Trung K (công nhân nông trường) kể từ ngày 21/7/2021.

Để thực hiện việc giao đất cho thôn B, Công ty H10 phải tiến hành thanh lý Hợp đồng nhận khoán với hộ gia đình ông Hà Trung K. Vào khoảng cuối năm 2021, trong khi chưa làm thủ tục thanh lý Hợp đồng nhận khoán, hộ gia đình ông Hà Trung K đã tự ý bán 1.026 m² đất (trong tổng diện tích 3661,5 m² của thửa đất 28 tờ bản đồ 13) cho 06 hộ dân để phục vụ việc chôn cất cải táng, thu về số tiền là 49.000.000 đồng. Hộ gia đình ông K yêu cầu được hỗ trợ việc trả lại đất để bàn giao cho thôn số tiền là 90.000.000 đồng; tiền đền bù cây xả trồng trên đất. Gia đình ông K xin sau khi bàn giao đất cho thôn được giao khoảng 100 m² đất để phục vụ việc chôn cất cải táng.

Ngày 31/10/2021 Nguyễn Duy T tổ chức họp thôn B, có 106/138 hộ gia đình tham gia, do bà Bùi Thị M làm thư ký. Tại buổi họp đã bầu ra Huỳnh Hữu P làm thủ quỹ của thôn có nhiệm vụ giữ tiền, quản lý thu, chi tiền của thôn.

Trong cuộc họp thôn ngày 31/10/2021, Nguyễn Duy T đưa ra các nội dung: sẽ nhận bàn giao đất từ Công ty H10 để mở rộng nghĩa trang cũ của thôn; việc hỗ trợ tiền đất cho hộ anh Hà Trung K là 90.000.000 đồng. Do hộ gia đình ông K đã bán đất thu về 49.000.000 đồng nên thôn chỉ trả phần còn lại là 41.000.000 đồng; tiền đền bù cây xả trồng trên đất cho hộ bà Vũ Thị L; ưu tiên hộ gia đình ông K được nhận sử dụng một lô đất có diện tích khoảng 100m² không thu tiền. Để có chi phí chi trả cho hộ anh K và chi cho hoạt động của thôn, Nguyễn Duy T thông báo những hộ gia đình có nhu cầu mua đất để chôn cất cải táng thực hiện đăng ký và nộp tiền cho thủ quỹ thôn là Huỳnh Hữu P. Về giá đất, Nguyễn Duy T tính theo giá hộ gia đình ông H2 Công Điền mua 170 m² đất từ anh Hà Trung K trước khi bàn giao cho thôn, với giá 9.000.000 đồng, cùng 15.000.000 đồng đã ủng hộ làm cổng nghĩa trang, tổng số tiền là 24.000.000 đồng/170 m², tương ứng giá 141.000 đồng/1 m². Huỳnh Hữu P được giao nhiệm vụ nhận đăng ký mua đất và thu tiền theo mức giá trên, cứ 100 m² tương ứng nộp 14.000.000 đồng và 150 m² tương ứng nộp 21.000.000 đồng. Các hộ dân trong thôn đều nhất trí.

Ngày 04/01/2022 Công ty H10 và hộ gia đình ông Hà Trung K thực hiện thanh lý Hợp đồng nhận khoán. Ngày 06/01/2022, Công ty H10, bàn giao thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13 về cho thôn B quản lý sử dụng. Đại diện thôn B nhận bàn giao đất gồm: Nguyễn Duy T - trưởng thôn; Đặng Ngọc H3 - Phó Bí thư Chi bộ thôn; Lữ Thành P1 – Phó thôn. Việc bàn giao đã được lập thành Biên bản cùng với thành phần liên quan tham gia là hộ ông Hà Trung K thỏa thuận về phần hỗ trợ trả lại đất và tài sản trên đất với chính quyền thôn, cụ thể: Thôn B nhất trí hỗ trợ gia đình ông K 90.000.000 đồng, trừ đi số tiền anh K thu được sau khi bán một phần đất, nên thôn chỉ chi trả số tiền là 41.000.000 đồng; đền bù cây xả trồng trên đất; Thôn B nhất trí để gia đình ông K được nhận khoảng 100 m² để phục vụ việc chôn cất cải táng, diện tích cụ thể theo đo đạc của thôn.

Sau khi nhận bàn giao đất từ Công ty TNHH H10, trong khoảng từ năm 2022 đến năm 2023, bị cáo Nguyễn Duy T đã thực hiện việc giao đất và thu tiền vượt quá phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13, cụ thể các khoảnh đất được đo đạc cho các hộ dân đã nộp tiền như sau:

- Ông Đinh Gia T5 được giao 158,1 m², thu 24.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Văn T6 được giao 157,1 m²; thu 21.000.000 đồng.
- Bà Hoàng Thị H4 được giao 147,6 m²; thu 21.000.000 đồng.
- Ông Tống Văn H5 được giao 152,3 m²; thu 21.000.000 đồng.
- Ông Đinh Mạnh T7 được giao 142,7 m²; thu 21.000.000 đồng.
- Bà Vũ Thị L được giao 161,2 m²; thu 14.000.000 đồng.
- Ông Nguyễn Văn B2 được giao 150,2 m²; thu nộp 21.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị H6 được giao 102,2 m²; thu 14.000.000 đồng.
- Bà Đinh Thị B được giao 104,9 m²; thu 14.000.000 đồng.
- Ông Vũ Đình B3 được giao 102,3 m²; thu 10.000.000 đồng.
- Bà Đặng Thị M1 được giao 137,8 m²; thu 21.000.000 đồng.
- Ông Lữ Thành P1 được giao 152,5 m²; thu 21.000.000 đồng.
- Ông Hà Trung K được giao là 141,2 m², không thu tiền.

Các hộ dân đăng ký mua đất qua Nguyễn Duy T, sau đó nộp tiền cho Huỳnh Hữu P. Nguyễn Duy T và ông Trần Ngọc T8 (quản trang) trực tiếp chỉ vị trí và đo đạc cho các hộ dân đã nộp tiền mua đất. Đối với hộ ông Lữ Thành P1, do có mâu thuẫn với Nguyễn Duy T, nên trực tiếp đăng ký và nộp tiền cho thủ

quỹ Huỳnh Hữu P. Huỳnh Hữu P thông báo cho Nguyễn Duy T biết. Nguyễn Duy T đồng ý và đo đạc phần đất nghĩa trang cho hộ ông Lữ Thành P1.

Diện tích đất Nguyễn Duy T giao và thu tiền vượt quá phạm vi thẩm quyền là 1.810,1 m²/3661,5 m² thuộc thửa đất số 28 tờ bản đồ số 13, để phục vụ mục đích chôn cất cải táng của các hộ dân. Hiện nay 05/13 hộ gia đình đã chôn cất, xây dựng mộ, miếu thờ tại thửa đất trên. Số tiền thu được là 223.000.000 đồng.

Nguyễn Duy T đã chỉ đạo Huỳnh Hữu P thu thêm số tiền 58.000.000 đồng của 04/06 hộ gia đình đã mua 1.026 m² đất từ hộ ông Hà Trung K trước đó. Tổng số tiền thu được là 281.000.000 đồng do Huỳnh Hữu P giữ, quản lý. Nguyễn Duy T đã chỉ đạo Huỳnh Hữu P chi tiền vào các việc như: chi trả hỗ trợ tiền thanh lý hợp đồng cho hộ nhận khoán ông Hà Trung K số tiền 41.000.000 đồng; chi trả tiền cây sả trồng trên đất cho bà Vũ Thị L 3.000.000 đồng; chi bù vào số tiền quỹ thôn đang nợ lại; chi cho các hoạt động của thôn như: Chi ngày Đ3; chi mua ti vi, kệ để ti vi, ổ cắm điện, đóng tiền mạng wifi cho nhà văn hóa thôn; chi quà tết và đội an ninh thôn phục vụ tết âm lịch; chi các công việc khác của thôn B. Theo định kỳ hoặc đột xuất trong các buổi họp thôn, Nguyễn Duy T, thực hiện việc xin ý kiến của người dân trước khi chi và thông báo công khai sau khi chi tiền. Tổng số tiền đã chi là 138.000.000 đồng. Việc chi tiền không có đầy đủ hóa đơn chứng từ. Quá trình điều tra, CQ CSĐT đã tiến hành xác minh khoản chi được ghi chép trong sổ thu chi, xác định không có căn cứ về việc Nguyễn Duy T và Huỳnh Hữu P tư lợi, chiếm đoạt cá nhân.

Số tiền còn lại là 143 triệu đồng, Huỳnh Hữu P đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT để phục vụ điều tra, xác minh. Số tiền trên đã được nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện L tại Kho bạc Nhà nước huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01(một) quyển sổ, có ghi chép nội dung: nghị quyết họp thôn B của ông Nguyễn Duy T. Gồm 17 trang giấy có chữ viết, đánh số từ 01 đến 17.

- 01(một) quyển sổ, có ghi chép nội dung về việc nhận tiền bán đất nghĩa trang thôn B của ông Huỳnh Hữu P. Gồm 09 trang giấy có chữ viết, được đánh số từ 01 đến 09.

- 01(một) quyển sổ, có ghi chép nội dung về việc chi tiêu tiền quỹ thôn B. Tờ bìa có ghi “Sổ Quỹ Tiền Mặt” Gồm 14 trang giấy có chữ viết, được đánh số từ 01 đến 14. Tại cuối các trang có chữ ký mực màu xanh của Huỳnh Hữu P

- 143.000.000 đồng là số tiền bán đất trái phép do ông Huỳnh Hữu P tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT. Hiện số tiền trên được nộp vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện L tại Kho bạc nhà nước huyện L.

- 01(một) điện thoại Sam Sung GALAXY A23 màu đen, có số seri: R58T61CPWTN, máy cũ đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì thư dán kín có đầy đủ chữ ký của thành phần tham gia. Là Điện thoại của bị cáo Nguyễn Duy T.

Cơ quan cảnh sát điều tra (CQ CSĐT) Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình đã tiến hành khám xét chỗ ở của bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P nhưng không phát hiện, thu giữ gì thêm.

Ngày 14/12/2023, CQ CSĐT Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình ra yêu cầu định giá tài sản số: 97, gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L định giá tài sản bị thiệt hại. Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 28/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Hòa Bình định giá tài sản thiệt hại là 1810,1 m² đất là 108.606.000 đồng.

Ngày 29/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình ra quyết định trưng cầu giám định số: 277, trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh H giám định chữ viết, chữ ký trong quyền sở ghi chép tiền bán đất trái phép của ông Huỳnh Hữu P với chữ viết, chữ ký của ông Huỳnh Hữu P. Kết luận giám định số 266/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh H xác định: Chữ viết, chữ ký cần giám định trong quyền sở ghi chép tiền bán đất trái phép của ông Huỳnh Hữu P (Ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký của ông Huỳnh Hữu P trong tài liệu so sánh (Ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết và ký ra.

Ngày 05/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình ra quyết định trưng cầu giám định số: 380, trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh H giám định chữ viết, chữ ký trong quyền sở ghi nội dung nghị quyết họp thôn B của bà Bùi Thị M và của ông Nguyễn Duy T. Kết luận giám định số 272/KL-KTHS ngày 09/6/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh H xác định: Chữ viết, chữ ký của bà Bùi Thị M tại biên bản họp thôn B ngày 31/10/2021 trong quyền sở ghi nội dung nghị quyết họp thôn B của ông Nguyễn Duy T (Ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký của bà Bùi Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết và ký ra. Chữ ký dưới mục Chủ tọa hội nghị tại biên bản họp thôn B ngày 31/10/2021 trong quyền sở ghi nội dung nghị quyết họp thôn B của ông Nguyễn Duy T (Ký hiệu A) với chữ ký của ông

Nguyễn Duy T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4, M5, M6) là do cùng một người ký ra.

Theo lời khai của Nguyễn Duy T, khoảng giữa tháng 10/2021 có tổ chức cuộc họp các đầu ngành của thôn gồm ông Nguyễn Thái H7 - Bí thư chi bộ thôn, Đặng Ngọc H3 - Phó bí thư chi bộ thôn, bà Bùi Thị M - Ban công tác mặt trận, bà Lương Thị V1 và Nguyễn Thị N - Hội phụ nữ và ông Lữ Thành P1 - Công an viên tham gia tại nhà văn hóa thôn B7. Cuộc họp bàn về các công việc chung của thôn. Nguyễn Duy T có thông báo việc sẽ nhận bàn giao đất từ công ty H10 và xã hội hóa thửa đất trên. CQ CSĐT CA huyện L đã tiến hành xác minh, những người có tên nêu trên không nhớ nội dung cụ thể của cuộc họp, cuộc họp không được ghi biên bản, không có tài liệu thể hiện do đó không có căn cứ xử lý giải quyết theo quy định pháp luật.

Cáo trạng số 13/CT-VKSND-LT ngày 18/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T và Huỳnh Hữu P về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 357; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Duy T 05 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ từ 09/01/2024 đến 05/02/2024. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 357; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Huỳnh Hữu P 30 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/6/2025 các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Duy T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ là không đúng pháp luật. Bị cáo Huỳnh Hữu P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo đồng phạm với Nguyễn Duy T và xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo là không đúng pháp luật. Các bị cáo còn có ý kiến về việc xem xét trách nhiệm của Công ty TNHH H10 và Đội sản xuất số E là đơn vị trực tiếp bàn giao đất cho thôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ khác. Các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như án sơ thẩm nêu nhưng các bị cáo cho rằng hành vi đó không phạm tội vì các bị cáo không có tư lợi cá nhân, làm theo nghị quyết cuộc họp của nhân dân trong thôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tính hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

- Đối với kháng cáo của các bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ là không đúng: Các bị cáo Nguyễn Duy T và Huỳnh Hữu P là Trưởng thôn và thủ quỹ của thôn B. Từ năm 2022 đến năm 2023, các bị cáo đã bán 1810,1 m² đất cho các hộ có nhu cầu mua đất làm nơi chôn cất, cải táng cho người thân trong gia đình. Hành vi đó của các bị cáo là lạm quyền và đã gây thiệt hại cho nhà nước 108.606.000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, theo điểm c khoản 2 Điều 357 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo này của các bị cáo.

- Đối với kháng cáo về việc xem xét trách nhiệm của Công ty TNHH H10 và Đội sản xuất số E là đơn vị trực tiếp bàn giao đất cho thôn: Công ty TNHH H10 và Đội sản xuất số E là đơn vị trực tiếp bàn giao đất cho thôn khi chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, hành vi trên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cấp sơ thẩm không xem xét mà chỉ kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt, Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 BLTTHS sửa phân trách nhiệm dân sự của bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể, truy thu của anh Hà Trung K số tiền 41.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho những người mua đất của thôn.

Tại phiên tòa, các luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy T đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Cụ thể: Luật sư Nguyễn Văn Á có ý kiến: Cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng

như chữ ký trong biên bản bàn giao đất không được giám định, đơn khiếu nại đối với Bản Kết luận điều tra và Cáo trạng chưa được giải quyết. Việc định giá cả phần đất chưa xây dựng, chưa làm thay đổi hiện trạng và mục đích sử dụng đất. Công ty H10 giao đất cho thôn là không đúng thẩm quyền nên thôn quản lý diện tích đất trên là không hợp pháp, do không hợp pháp nên Trưởng thôn không có quyền, không có quyền thì không thể lạm quyền trong khi thi hành công vụ. Bị cáo T không có động cơ vụ lợi.

Luật sư Đỗ Văn T2 cho rằng vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm vì ông Hoàng H8 - Phó Giám đốc công ty H10 khi bàn giao đất cho thôn không đúng nên có dấu hiệu của tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước gây thất thoát, lãng phí theo quy định tại Điều 219 BLHS.

Luật sư Giang Hồng T1 cho rằng bị cáo Nguyễn Duy T không phải là cán bộ, công chức nên bị cáo không phải là người thi hành công vụ, do vậy bị cáo T không phạm tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra các căn cứ, các lập luận không chấp nhận đề nghị của các luật sư bào chữa cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

Các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét để xét xử các bị cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P

[2.1] Về kháng cáo của các bị cáo và ý kiến của các Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và xử phạt các bị cáo về tội Lạm quyền khi thi hành công vụ là không đúng pháp luật, HĐXX nhận thấy như sau:

Với tư cách là Trưởng thôn B, Nguyễn Duy T đã chủ trì buổi họp thôn B vào ngày 31/10/2021, trong đó Nguyễn Duy T là người đưa ra chủ trương việc giao đất và thu tiền sử dụng đất của các hộ có nhu cầu mua đất để chôn cất cải táng tại thửa đất của Công ty TNHH H10 sau khi Công ty bàn giao lại cho thôn. Nguyễn Duy T cũng là người đưa ra giá bán đất cho các hộ có nhu cầu. Cũng tại cuộc họp ngày 31/10/2021 của thôn B, Huỳnh Hữu P được bầu làm thủ quỹ của thôn với nhiệm vụ quản lý kinh phí của thôn và được Trưởng thôn Nguyễn Duy T giao nhiệm vụ thu tiền của các hộ gia đình có nhu cầu mua đất để chôn cất cải táng. Sau khi Công ty TNHH H10 bàn giao 3518m² đất thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13 cho thôn B vào ngày 06/01/2022, Nguyễn Duy T thực hiện hành vi giao 1.810,1 m² đất thuộc B, P, L, Hòa B4 cho 13 hộ dân (giao đất có thu tiền của 12 hộ dân, 01 hộ dân giao đất không thu tiền) với đơn giá tự đặt ra. P được giao nhiệm vụ thu tiền, tổng số tiền đã thu được là 223.000.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, bị cáo T thừa nhận hành vi giao đất thu tiền của bị cáo là vượt quá chức trách nhiệm vụ được giao, vi phạm pháp luật, cụ thể: Tại bút lục 350 (biên bản hỏi cung bị can ngày 11/4/2024), bị cáo T đã trình bày bị cáo không báo cáo với Đảng ủy – UBND xã L1 về việc bán đất, lãnh đạo Ủy ban không nắm được, quá trình thu tiền không theo kế hoạch, chủ trương nào của UBND xã hay UBND huyện. Bị cáo nhận thức thấy hành vi Lạm quyền trong khi thi hành công vụ của mình là sai, là vi phạm pháp luật, hành vi tự ý bán đất trái phép của tôi là sai, vượt quá chức trách nhiệm vụ được giao. Do bản thân còn thiếu hiểu biết pháp luật và vì nguyện vọng bà con nhân dân nên đã dẫn đến vi phạm pháp luật.

Tại bút lục 357 (bản tự khai ngày 20/11/2023), bị cáo T trình bày: Đến ngày 06/01/2022 Công ty H10 tổ chức bàn giao về cho thôn B 3518m² đất... Tại buổi bàn giao có biên bản và sau đó công ty có quyết định gửi về thôn. Đại diện UBND xã không có ai, huyện không có ai thành phần nào tham dự... Là người trưởng thôn được bầu từ 2015 đến nay, với sự việc này, tôi thực sự khi làm không mang bất kỳ mục đích gì cho bản thân và gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T cho rằng bị cáo không ký vào biên bản giao đất với Công ty TNHH H10 nhưng thừa nhận việc giao đất và thu tiền của các hộ dân. Bị cáo thừa nhận trưởng thôn không có quyền hạn bán đất, giao đất nhưng đã giao đất cho 11 hộ dân, không giao đất cho ông Lữ Thành P1 và được bị cáo P1 thông tin về việc ông P1 đã nộp tiền, chiều tối có ra đo lại xem ông P1 sử dụng đúng với diện tích đăng ký hay không.

Đối với bị cáo Huỳnh Hữu P: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo khai nhận “Tôi

biết việc thu tiền của các hộ dân đến nộp tiền mua đất cho tôi là tiền bán đất nghĩa trang của thôn B tại thửa đất thôn B nhận bàn giao từ Công ty TNHH H10 do ông Nguyễn Duy T là người thực hiện bán đất” (Bút lục 373); “... tôi nhận nhiệm vụ thu tiền mua đất của các hộ dân và quản lý chi tiêu số tiền trên... Tôi được ông Nguyễn Duy T trưởng thôn đến gặp trực tiếp tôi và một số lần trao đổi qua điện thoại với nội dung hướng dẫn tôi là có người mua đất đến nộp tiền thì thu tiền, ghi chép lại số tiền và diện tích mua đất... Sau khi khởi tố vụ án mới nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật” (Bút lục 380), bị cáo nhận thức “hành vi thu tiền bán đất trái phép của tôi là sai, vi phạm pháp luật”(Bút lục 389).

Từ những căn cứ, nhận định nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định: Nguyễn Duy T là Trưởng thôn B là cán bộ được bầu để thực hiện các công việc thuộc phạm vi thôn đã được nhân dân bàn và quyết định; tập hợp những ý kiến phản ánh, đề nghị để báo cáo kịp thời với UBND cấp xã ... (theo Điều 10 Thông tư 04/2012/TT-BNV sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư 14/2018/TT-BNV) Mặc dù không có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc giao đất, thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng bị cáo vẫn thực hiện việc giao đất, thu tiền sử dụng đất của 13 hộ dân thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình trong thời gian từ đầu năm 2022 đến cuối năm 2023 để cho các hộ này sử dụng làm nơi chôn cất, cải táng mộ của gia đình. Bị cáo Huỳnh Hữu P là thủ quỹ của thôn, biết rõ về kế hoạch triển khai việc giao đất, thu tiền của Nguyễn Duy T, được bị cáo T trao đổi, thông báo các thông tin về các hộ dân đăng ký nhu cầu sử dụng đất để làm căn cứ tính toán, thu tiền tương ứng với diện tích đăng ký. Do vậy, bị cáo P đã đồng phạm với bị cáo T. Mặc dù các bị cáo không sử dụng số tiền đã thu được của các hộ dân vào chi tiêu cá nhân nhưng việc giao đất, thu tiền của các bị cáo là vượt quá chức trách nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại cho Nhà nước, gây ảnh hưởng đến việc quản lý đất đai ở địa phương. Hội đồng định giá định giá xác định giá trị thiệt hại 1.810,1 m² đất là 108.606.000 đồng.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Lạm quyền khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo này của các bị cáo và ý kiến của các luật sư. Việc các bị cáo thừa nhận hành vi các bị cáo đã thực hiện nhưng không đồng ý với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo là chưa nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, không thể hiện sự ăn năn hối cải.

[2.2] Đối với nội dung bị cáo đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký ở mục Trưởng thôn trong biên bản bàn giao đất ngày 06/01/2022 nhưng không được xem xét: Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bị cáo T không ký biên bản bàn giao đất vì khi lập biên bản bàn giao bị cáo thấy không đúng với thành phần bàn giao đất. Tuy nhiên bị cáo T khai nhận được họp bàn và thống nhất về các nội dung bàn giao đất, và trên thực tế bị cáo T đã tiếp nhận diện tích đất này, thực hiện việc giao đất và thu tiền đất của nhiều hộ dân. Do vậy, trường hợp không giám định chữ ký trong biên bản bàn giao đất cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2.3] Đối với ý kiến của bị cáo Nguyễn Duy T cho rằng việc định giá cả phần đất chưa xây dựng, chưa làm thay đổi hiện trạng và mục đích sử dụng đất, HĐXX thấy rằng:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy T thực hiện giao đất, chỉ đạo bị cáo Huỳnh Hữu P thu tiền của các hộ dân theo diện tích đã đăng ký, tội phạm hoàn thành khi các bị cáo giao đất, thu tiền mua đất của các hộ dân, gây thiệt hại về tài sản cho Nhà nước, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ dân. Việc các hộ dân còn lại chưa xây dựng mộ phần trên đất không phải là yếu tố để loại trừ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Cơ quan điều tra căn cứ vào tổng diện tích các bị cáo đã giao đất, thu tiền của 13 hộ dân để xác định thiệt hại, làm căn cứ xử lý hình sự đối với các bị cáo là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.4] Đối với nội dung đề nghị xem xét trách nhiệm của Công ty TNHH H10 và Đội sản xuất số E là đơn vị trực tiếp bàn giao đất cho thôn, HĐXX đánh giá như sau:

Quá trình điều tra đã làm xác định được Công ty TNHH H10 được UBND tỉnh L1 cho thuê đất để sử dụng theo mục đích đã được phê duyệt. Ngày 06/01/2022, Công ty đã thực hiện bàn giao diện tích đất đo đạc thực tế là 3.661,5m² cho thôn B khi chưa có Quyết định của UBND tỉnh là vi phạm các quy định về sử dụng đất đai, có dấu hiệu vi phạm quy định về sử dụng đất đai được quy định tại Điều 228 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Công ty TNHH H10 là pháp nhân nên theo quy định tại Điều 76 BLHS, công ty không phải trách nhiệm hình sự về tội này. Đối với người có trách nhiệm của công ty chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan điều tra kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định là có căn cứ.

Luật sư cho rằng ông Hoàng H8 có dấu hiệu tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 360 BLHS) và tội Vi phạm quy định về quản lý,

sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí (điều 219 BLHS). Hội đồng xét xử thấy rằng Công ty bàn giao đất cho thôn với mục đích để thôn quản lý và sử dụng theo quy định chứ không phải hành vi chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng đất và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh làm rõ trách nhiệm của Công ty H10 và các cá nhân liên quan để xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T.

Bị cáo Nguyễn Duy T kháng cáo toàn bộ bản án và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Quá trình công tác tại Nông trường S bị cáo được tặng thưởng chiến sĩ thi đua cơ sở năm 1988, có bố đẻ, bố vợ được tặng thưởng H9, Huy chương, các hộ dân mua đất và UBND xã L1 có đơn xin giảm nhẹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHH theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đã được cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P và bị cáo T đều khai nhận việc bị cáo P nộp lại số tiền 143 triệu đồng để khắc phục hậu quả là có ý kiến đề nghị bị cáo T. Đây là tình tiết mới cần áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Duy T theo điểm b khoản 1 điều 51 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Duy T trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, được nhân dân tại địa phương tín nhiệm bầu làm Trưởng thôn và xin giảm nhẹ hình phạt, hành vi phạm tội của bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản để tư lợi cá nhân mà là để phục vụ các công việc của cộng đồng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[2.6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các nội dung liên quan đến kháng cáo: Trước khi thanh lý hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH H10, Hà Trung K đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất ($1026m^2$) cho 06 hộ dân ở thôn B để làm nơi chôn cất cải táng mà không báo cáo phía công ty. Hành vi bán $1026m^2$ thuộc diện tích đất đang trong thời hạn giao khoán với công ty trước khi công ty B8 đất về cho thôn B là có dấu hiệu vi phạm quy định về sử dụng đất đai theo quy định tại Điều 228 Bộ Luật Hình sự. Tuy nhiên, ông Hà Trung K không phải là người có chức vụ,

quyền hạn; chưa bị xử lý hành chính về hành vi này, chưa bị kết án nên cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định có việc Huỳnh Hữu P chỉ trả hỗ trợ tiền thanh lý hợp đồng cho hộ ông Hà Trung K 41.000.000 đồng. Số tiền này được Huỳnh Hữu P bàn giao cho ông K làm 02 lần: Ngày 31/01/2022 bàn giao 20.000.000 đồng, ngày 28/3/2022 bàn giao 21.000.000 đồng. Nội dung này cũng đã được ghi nhận trong biên bản họp thôn ngày 31/10/2021. Xét thấy, số tiền này được trích ra từ tổng số tiền mà các bị cáo đã thu của các hộ dân thôn B mua đất phục vụ việc chôn cất, cải táng. Do đó, cần buộc ông Hà Trung K trả lại số tiền 41.000.000 đồng mà ông K đã nhận từ bị cáo Huỳnh Hữu P theo chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Duy T để trả lại cho các hộ gia đình mua đất.

Theo bản án sơ thẩm, các bị cáo phải liên đới nộp số tiền 48.000.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền ông Hà Trung K có nghĩa vụ phải nộp lại để khắc phục hậu quả, các bị cáo T, P còn phải nộp lại số tiền 7.000.000 đồng, trong đó bị cáo T phải nộp lại 4.900.000 đồng, bị cáo P phải nộp lại 2.100.000 đồng.

[3] Ngày 30/7/2024 UBND tỉnh L1 đã ra Quyết định số 1413/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Công ty H10 không còn nhu cầu sử dụng tại các xã Đ, P, T, H, P và thị trấn C, huyện L để bàn giao nguyên trạng cho UBND huyện L1 quản lý, trong đó có thửa đất số 28 tờ bản đồ số 13 thuộc thôn B. Do vậy, UBND huyện L1 (nay UBND xã L1, tỉnh Phú Thọ, kế thừa quyền, nghĩa vụ) có trách nhiệm xem xét, xử lý diện tích đất mà các bị cáo đã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P. Giữ nguyên phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Huỳnh Hữu P; sửa phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T và sửa phần nhiệm dân sự của bản án hình sự sơ thẩm số 16/2025/HS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T và Huỳnh Hữu P phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

1.1. Căn cứ: điểm c Khoản 2 Điều 357; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 04 (B5) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ từ 09/01/2024 đến ngày 05/02/2024.

1.2. Căn cứ: điểm c Khoản 2 Điều 357; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu P 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Hữu P cho UBND xã L1, L, Hòa Bình (nay là xã A, tỉnh Phú Thọ) quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 288, Điều 468; Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T và Huỳnh Hữu P có nghĩa vụ liên đới bồi thường khắc phục hậu quả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền 191.000.000 đồng (Gồm: Bà Nguyễn Thị Đ1 là 24.000.000 đồng; ông Tống Văn H5 là 21.000.000 đồng; ông Đinh Mạnh T7 là 21.000.000 đồng; bà Vũ Thị L là 14.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H6 là 14.000.000 đồng; bà Đặng Thị M1 là 21.000.000 đồng; ông Lữ Thành P1 là 21.000.000 đồng; bà

Nguyễn Thị C là 15.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn K1 là 15.000.000 đồng; Ông Vũ Đình B3 10.000.000 đồng; bà Đoàn Thị B6 là 15.000.000 đồng).

Truy thu của ông Hà Trung K số tiền 41.000.000đ (*Bốn mươi một triệu đồng*) để bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối trừ với số tiền đã tự nguyện nộp lại tại giai đoạn điều tra là 143.000.000 đồng (*Theo biên lai thu tiền 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy*), số tiền 41.000.000 đồng truy thu của ông Hà Trung K, buộc các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 7.000.000 đồng (*Trong đó: Bị cáo T phải nộp số tiền 4.900.000 đồng; Bị cáo P phải nộp số tiền 2.100.000 đồng*).

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Duy T, Huỳnh Hữu P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 300.000 án phí dân sự; không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 17/9/2025.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 17 – Phú Thọ;
- TAND khu vực 17 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã An Nghĩa, tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo; người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Trường